TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/DS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2023
"V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phan Thị Nga, ông Võ Thanh Nhàn;

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2023/QĐST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C: bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2023 của Văn phòng C1, tỉnh An Giang chứng nhận); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Diệu L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn T (3 T1), sinh năm 1975; địa chỉ ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ là đại diện theo ủy quyền trình bày, Ông C là người tham gia 05 dây hụi do bà Lê Diệu L và ông Lê Văn T (3 Tú) làm chủ hụi, cụ thể:

- Dây thứ nhất: 2.000.000 đồng, khởi khui ngày 10/8/2019 âm lịch, chầu hụi vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, dây hụi có 39 hụi viên, ông C chầu được 32 phần hụi sống, còn 07 phần hụi chưa chầu; hụi này đến thời điểm hiện nay là đã mảng. Đến ngày 10/5/2022 âm lịch bà L, ông T tuyên bố ngưng không thu hụi, nhiều lần hứa hẹn không trả. Dây hụi này, nếu ai hốt hụi phải chi cho chủ hụi số tiền là 1.000.000đồng theo sự đồng thuận của các hụi viên. Tổng số tiền đã chầu là 47.210.000 đồng.

- Dây thứ 2, khởi khui ngày 15/8/2020 âm lịch, bắt đầu chầu vào 20/8/2020 âm lịch, và tiếp tục chầu các tháng sau vào ngày 20 hàng tháng, có 39 hụi viên tham gia 02 chân, ông C chầu 19 hụi sống, còn lại 20 lần chưa chầu, thì đến ngày 10/5/2022 âm lịch bà L, ông T tuyên bố ngưng hụi, không thực hiện khui hụi theo định kỳ nữa. Dây hụi này, nếu ai hốt hụi phải chi cho chủ hụi số tiền là 1.000.000đồng theo sự đồng thuận của các hụi viên. Tổng số tiền đã chầu 26.420.000 đồng.

- Dây hụi thứ 3: Dây hụi 2.000.000đồng, Khởi khui ngày 20/12/2020 âm lịch, bắt đầu góp hụi ngày 25/12/2020 âm lịch, chầu các tháng tiếp theo vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, gồm có 30 hụi viên, ông C chầu được 15 lần hụi sống, ông C tham gia 01 phần hụi, đến ngày 10/5/2022 bà L, ông T tuyên bố ngưng không thu hụi nữa, dây hụi này nếu ai hốt hụi thì phải nộp hoa hồng cho chủ hụi là 1.000.000đồng.

- Dây hụi thứ 4: Dây hụi 2.000.000đồng, Khởi khui ngày 15/8/2020 âm lịch, bắt đầu góp hụi ngày 20/8/2020 âm lịch, chầu các tháng tiếp theo vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, gồm có 36 hụi viên, ông C tham gia 01 chân hụi, chầu được 19 lần hụi sống, đến ngày 10/5/2022 bà L, ông T tuyên bố ngưng không thu hụi nữa, dây hụi này nếu ai hốt hụi thì phải nộp hoa hồng cho chủ hụi là 1.000.000đồng. Số tiền đã chầu hụi là 28.440.000 đồng.

- Dây hụi thứ 5: Dây hụi 2.000.000 đồng, khởi khui ngày 20/12/2020 âm lịch, bắt đầu chầu ngày 25/12/2020 âm lịch, chầu các tháng tiếp theo vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, gồm 30 hụi viên, ông C tham gia 01 chân hụi, chầu được được 16 lần hụi sống, đến ngày 10/5/2022 bà L, ông T tuyên bố ngưng không thu hụi nữa, dây hụi này nếu ai hốt hụi thì phải nộp hoa hồng cho chủ hụi là 1.000.000đồng.

Tổng số tiền đã chầu của cả 05 dây hụi mà ông C đã chầu là 150.980.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)*, vẫn giữ nguyên yêu cầu không tính lãi.

Trong sổ hụi ghi tên ông C, nhưng thực tế do bà L, ông T ghi vậy là để dễ nhớ, còn người chầu hụi là bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà Lê Diệu L trình bày: bà là chủ hụi, ông C có tham gia 05 dây hụi do bà Lê Diệu L và ông Lê Văn T (3 Tú) làm chủ hụi đúng như bà Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông C đã trình bày, thống nhất về dây hụi, ngày chầu hụi, ngày khui hụi, số tiền nợ hụi của 05 dây hụi mà ông C đã chầu là 150.980.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng.* Bà L cũng thống nhất, đúng là bà ghi tên trong sổ hụi là Thiếm 2 (Chạy) là ghi tên chồng bà Huỳnh Thị Đ, nhưng người chầu hụi và liên hệ hụi với bà là bà Đ, chỉ ghi tên ông C để xác định cho đúng gia đình, việc ông C tham gia hụi chồng bà biết, nhưng bà Đ là người chầu hụi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T (3 T1) vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Bà Huỳnh Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Trong sổ hụi ghi tên ông C (Tư Chạy) là chồng của bà, chồng bà có tên trong sổ hụi, khi chơi hụi thì ông C biết là chơi hụi, nhưng không trực tiếp chầu hụi, mà giao cho bà thực hiện chầu hụi giúp, thống nhất số tiền hụi đến nay bà L, ông T còn nợ là 150.980.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Bà Huỳnh Thị Đ trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, xác định việc ông C là người chơi hụi, nhưng người chầu hụi là bà, nên các lần chầu hụi bà mới nắm được. Do đó, bà với tư cách đại diện theo ủy quyền của ông C, yêu cầu bà L, ông T có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ hụi, bà xác định chỉ là người chầu hụi giúp ông C..

- Bà Lê Diệu L xác định các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã công khai là đúng, công nhận số tiền nợ hụi, không có tài liệu chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án, cũng như không có yêu cầu khác để chứng minh cho quyền, nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa bà L thừa nhận đến nay còn nợ ông C số tiền hụi như đại diện theo ủy quyền của ông C đã trình bày, cũng như xác định việc ông T biết bà là chủ hụi, cũng như thực hiện thu hụi giúp bà tại các dây hụi.

- Ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T vắng mặt lần thứ 2, nên đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C; buộc bà Lê Diệu L và ông Lê Văn T liên đới trả ông Nguyễn Văn C số tiền 150.980.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 471 Bộ luật Dân sự xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Diệu L hiện đang cư trú trên địa bàn huyện C, giữa ông C, bà L có quan hệ góp hụi, nên Hội đồng xét xử thống nhất quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là "tranh chấp về Hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[1.3] Về ủy quyền tham gia tố tụng: Ông C, ủy quyền cho bà Đ tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên bà Đ có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định tiền hụi: giữa Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Diệu L có quan hệ góp hụi (họ) theo đó bà L là chủ hụi, ông C là hụi viên. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông C và bà L đều thống nhất việc ông C có tham gia 05 dây hụi như đại diện theo ủy quyền của ông C đã trình bày, thống nhất về số tiền mà ông C đã chầu hụi cho bà L với số tiền 150.980.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)*. Như vậy, việc ông C, bà L đều công nhận việc chầu hụi, khui hụi, số lần chầu, số tiền còn nợ nên đây là tài liệu, chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 15, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, thì người có nghĩa vụ, chủ hụi phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền hụi còn thiếu cho hụi viên, nên việc bà L thừa nhận còn nợ tiền hụi của ông C; cho nên bà L phải có nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Điều 351, 352, 357 Bộ luật Dân sự. Ngoài ra, việc cả ông C, bà L đều thống nhất về phương thức chơi hụi, thời gian đóng hụi, hốt hụi, chầu hụi và số tiền nợ hụi theo tài liệu, chứng cứ mà ông C đã cung cấp. Vì vậy, việc ông C khởi kiện là có cơ sở xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới: Theo quy định tại Điều 25, 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng phải có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà L tại phiên tòa công nhận việc ông T biết bà là chủ hụi, sử dụng tiền lời hụi (hoa hồng) vào mục đích kinh tế gia đình, cho nên việc ông C, cùng bà L đều xác nhận việc ông T biết việc bà L là chủ hụi, ông T cũng có thực hiện việc thu hụi. Vì vậy, việc ông C yêu cầu ông T phải có trách nhiệm liên đới là có căn cứ; nên ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà L theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự và Luật Hôn nhân và gia đình. Hơn nữa, giữa ông T với bà L có đăng ký kết hôn từ năm 2002, ông T trong quá trình tố tụng đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông không có ý kiến, có nghĩa ông đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc bà bà L, ông T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông C số tiền 150.980.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Về án dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp;

- Bà Lê Diệu L, ông Lê Văn T phải liên đới chịu án phí tương ứng với số tiền mà ông C được chấp nhận theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo Bản án, quyết định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 351, 352, 357, 288, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 25, 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2020 về hụi, họ, điêu, phường của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, buộc bà Lê Diệu L, ông Lê Văn T (3 T1) phải có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn C số tiền là 150.980.000 đồng *(một trăm năm mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn C được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 3.774.000 đồng *(ba triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng)* theo Biên lai thu tam ứng án, lệ phí Tòa án số 0013331 ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

- Bà Lê Diệu L, ông Lê Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 7.549.000 đồng *(bảy triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng)*, bà L, ông T phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên